

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2887 /UBND-KSTTHC

Thái Bình, ngày 14 tháng 7 năm 2021

V/v tổ chức niêm yết, công khai
mã số thủ tục hành chính các lĩnh vực
thuộc thẩm quyền quản lý của Sở
Lao động - Thương binh và Xã hội

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và trên cơ sở các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính: Số 1559/QĐ-UBND ngày 02/7/2021, số 1578/QĐ-UBND ngày 06/7/2021, số 1629/QĐ-UBND ngày 06/7/2021; Ủy ban nhân dân tỉnh địa phương hóa trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, công khai mã số các thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định trên (có Phụ lục I, II, III kèm theo).

Để phục vụ nhu cầu khai thác, tìm hiểu của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; công khai mã số thủ tục hành chính theo các Phụ lục I và Phụ lục II tại nơi tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc địa bàn quản lý tổ chức niêm yết, công khai thủ tục hành chính và mã số thủ tục hành chính theo Phụ lục III tại nơi tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Nhận được Văn bản này, yêu cầu các đơn vị tổ chức thực hiện./.(T)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- VNPT Thái bình;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

Phụ lục I

Mã số các thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình) (Ban hành kèm theo Công văn số 2887 /UBND-KSTTHC ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC
A. TTHC MỚI BAN HÀNH		
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM - AN TOÀN LAO ĐỘNG		
1	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1.009811.000.00.00.H54
2	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.	2.002341.000.00.00.H54
3	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	2.002343.000.00.00.H54
4	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009873.000.00.00.H54
5	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009874.000.00.00.H54
II. LĨNH VỰC DẠY NGHỀ		
6	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000553.000.00.00.H54
7	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000530.000.00.00.H54
8	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	1.000523.000.00.00.H54
9	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1.000523.000.00.00.H54

10	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	1.000482.000.00.00.H54
III. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG		
11	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2.002307.000.00.00.H54
12	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2.002308.000.00.00.H54
IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG		
13	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	1.009466.000.00.00.H54
14	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	1.009467.000.00.00.H54
B. THỰC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG		
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM – AN TOÀN LAO ĐỘNG		
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	1.000105.000.00.00.H54
2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205.000.00.00.H54
3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192.000.00.00.H54
4	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	1.000459.000.00.00.H54
5	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	2.000219.000.00.00.H54
6	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001865.000.00.00.H54
7	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823.000.00.00.H54
8	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853.000.00.00.H54
II. LĨNH VỰC DẠY NGHỀ		
9	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	1.000160.000.00.00.H54
10	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000138.000.00.00.H54

11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	1.000167.000.00.00.H54	
III. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
12	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1.0004964.000.00.00.H54	
IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG			
13	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.00.H54	
14	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000479.000.00.00.H54	
15	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000464.000.00.00.H54	
16	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000448.000.00.00.H54	
17	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	1.000436.000.00.00.H54	
18	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	1.000414.000.00.00.H54	
V. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
19	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000286.000.00.00.H54	
20	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000282.000.00.00.H54	
21	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000477.000.00.00.H54	
C. TTHC BỊ THAY THẾ			
STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Mã số
I. LĨNH VỰC DẠY NGHỀ			
1	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Công khai theo Mã: 1.000154.000.00.00.H54
II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM – AN TOÀN LAO ĐỘNG			
2	Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Bãi bỏ mã: 1.000386.000.00.00.H54 (thủ tục này thực hiện theo thủ tục của Bộ nội vụ công bố)

3	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; và Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Bãi bỏ mã: 1.000386.000.00.00.H54 (thủ tục này thực hiện theo thủ tục của Bộ nội vụ công bố)
D. TTHC BỊ BÃI BỎ			
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM – AN TOÀN LAO ĐỘNG			
1	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	2.000113.000.00.00.H54	
II. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
2	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	1.002738.000.00.00.H54	
III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG			
3	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	2.002103.000.00.00.H54	
IV. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
4	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	2.000295.000.00.00.H54	

Phụ lục II

Mã số các thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND, ngày 02/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình)
(Ban hành kèm theo Công văn số 2887 /UBND-KSTTHC ngày 12 /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG		
STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTTC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTTC
LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H54
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H54
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H54
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H54
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H54
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H54
7	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H54

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ		
	I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	1.000674.000.00.00.H54
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2.000343.000.00.00.H54
3	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2.000335.000.00.00.H54
4	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2.002127.000.00.00.H54
	II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG	
5	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	1.004954.000.00.00.H54

Phụ lục III

Mã số thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình)
 (Ban hành kèm theo Công văn số 887 /UBND-KSTTHC ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H54